

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19.8.2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Huỳnh Thị Lệ** và **ông Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm T Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Ông Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02.8.2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Thanh D - Sinh năm 1994. Trú tại: thôn 2, xã HS, huyện HV, thành phố Đà Nẵng; có mặt

- **Bị đơn:** Ông Phạm Quốc T - Sinh năm 1994; Trú tại: K218/45 Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Quốc T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện HV, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do chồng tôi không quan tâm đến vợ con khi đau ốm, từ khi sinh con đến giờ chồng tôi không lo cho vợ con từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm nên chồng tôi dọn ra ngoài sống riêng. Đến nay chung tôi đã sống ly thân hơn 6 tháng, một mình tôi nuôi con nhỏ chồng tôi không hề có trách nhiệm gì với con chung, nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Trong thời gian giải quyết Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung, nay tôi vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T

-Về con chung: trong thời gian chung sống tôi và ông T có 01 con chung Phạm Ngọc Quốc B - Sinh ngày 11.5.2018. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nay xét thấy công việc làm ăn của ông T có khó khăn nên tôi yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh D khai nhận không có.

*** Bị đơn ông Phạm Quốc T trình bày :** Tôi thống nhất với lời trình bày của bà D về năm kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn về tôn giáo, tôi đã cố gắng nhưng vợ tôi và gia đình vợ vẫn không chấp nhận, hiện nay chúng tôi đã không còn chung sống với nhau, xét thấy tôi vẫn còn thương vợ mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Trong thời gian Tòa án giải quyết tôi đã lên nhà bố mẹ vợ để thăm con mong muốn vợ chồng đoàn tụ nay cô D vẫn cương quyết đề nghị xin ly hôn nên tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

-Về con chung: trong thời gian chung sống tôi và bà D có 01 con chung Phạm Ngọc Quốc B - Sinh ngày 11.5.2018, nếu phải ly hôn thì con chung tôi xin nuôi con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND xã HS, huyện HV, TP Đà Nẵng xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh D.

Về con chung có 01 con chung là Phạm Ngọc Quốc B- Sinh ngày 11.5.2018. Hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao con chung cho bà D nuôi dưỡng và buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN&GD.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho

đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS, huyện HV, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, hiện nay bà D và ông T đã không còn chung sống với nhau

Ông Phạm Quốc T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do mâu thuẫn về tôn giáo, ông T xác nhận hiện nay ông và bà D đã không còn chung sống với nhau, nhưng vì con chung nên ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái, nếu bà D vẫn cương quyết xin ly hôn thì ông T không đồng ý đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Theo đơn xác nhận tại UBND xã HS, huyện HV, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông T mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ, nhưng hiện nay bà D cùng con trai đã về sống với bố mẹ ruột tại xã HS, huyện HV. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** bà D và ông T có 01 con chung Phạm Ngọc Quốc B, sinh ngày 11.5.2018, ly hôn bà D xin nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng,

Đối với con chung ông T cho rằng nếu phải ly hôn ông xin nuôi con chung và không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay cháu Phạm Ngọc Quốc B chưa đủ 36 tháng tuổi, mặc khác từ khi bà D và ông T không còn chung sống thì bà D và con chung đã dọn về nhà bố mẹ bà D sinh sống. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung cho bà D nuôi dưỡng chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà D yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Việc nuôi con là trách nhiệm của cả hai vợ chồng do vậy cần buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật HN&GD năm 2014.

-**Về tài sản chung, nợ chung:** bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T khai nhận không có

Nếu sau có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HN&GD sơ thẩm là 300.000 đồng bà D tự nguyện nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T.

Tuyên xử: bà Phạm Thị Thanh D, sinh năm 1994, được ly hôn với ông Phạm Quốc T, sinh năm 1994.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2018 của UBND xã HS, huyện HV, TP Đà Nẵng cấp ngày 11.6.2018 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên: Giao con chung con chung là Phạm Ngọc Quốc B, sinh ngày 11.5.2018 cho bà Phạm Thị Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

- Buộc ông Phạm Quốc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hành tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh D và ông Phạm Quốc T khai nhận không có.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà D phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006197 ngày 28.5.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Phạm Quốc T phải nộp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Hiệp thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND x Hòa Sơn, h Hòa Vang

TP Đà Nẵng;

- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy